

Bản án số: 293/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 8 - 2026
V/v tranh chấp "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Thoại

Ông Lê Hoàng Oanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1021/2026/HNGĐST ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh W, Hung C - sinh năm: 1981; Hộ chiếu số 368423011; Địa chỉ: Số B - A, Đ, khóm G, phường T, thị trấn H, huyện V, Đài Loan.

- **Bị đơn:** Chị Đặng Thị Trinh N, sinh năm: 2005; Số định danh cá nhân 091305017491; Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

(Anh C và chị N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2026 anh W Hung Chin trình bày:

Anh và chị Đặng Thị Trinh N được bạn bè giới thiệu quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/01/2024 và cử hành hôn lễ vào ngày 10/01/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Việt Nam khá hạnh phúc. Sau đó, anh phải trở về Đài Loan làm thủ tục bảo lãnh vợ đến Đài Loan đoàn tụ.

Trong khoảng thời gian làm thủ tục thì vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại, do công việc và vị trí địa lý xa cách, gặp mặt nhau rất ít cho nên không còn hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, cũng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, hiện vợ anh là chị N không đến Đài Loan và anh cũng không tới Việt Nam. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng không thể tồn tại được nữa, anh yêu cầu được ly hôn với chị Đặng Thị Trinh N; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Đặng Thị Trinh N trình bày:* Giữa chị và anh W, Hung C trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2024. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm và cách sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2025 cho đến nay. Nay anh C yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Anh W, Hung C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” giữa anh và chị N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn anh W, Hung C, bị đơn chị Đặng Thị Trinh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên cứ vào khoản 01 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh C và chị N.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh W, Hung C và chị Đặng Thị Trinh N là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/01/2024 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn: Theo lời trình bày của anh C và chị N do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm cách sống dẫn đến mâu thuẫn, anh chị không còn liên lạc với nhau từ tháng 02/2025 đến nay.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Đặng Thị Trinh N hai bên đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho W, Hung C được ly hôn với chị Đặng Thị Trinh N.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, anh W, Hung C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Thanh T nộp thay 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002629 ngày 15/6/2026 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Anh C đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 01 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh W, Hung C được ly hôn với chị Đặng Thị Trinh N.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh W, Hung C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Phan Thanh T nộp thay 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002629 ngày 15/6/2026 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh C đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Trinh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Tòa án niêm yết.

Anh W, Hung C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp
- Phòng thi hành án
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên